

Bản án số: 1250/2023/DS-PT

Ngày: 26-12-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Thẩm phán: Bà Mai Trần Cảnh

Ông Hoàng Bích Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:**

Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 455/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 234/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5329/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16445/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1;

Trụ sở: 266 - 268 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Kiều Minh D, sinh năm: 1982; địa chỉ: 4 tổ A, ấp A, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

- Ông Phạm Trọng H, sinh năm: 1980; địa chỉ: A Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; có mặt tại phiên tòa.

(Theo các giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-PGDCC ngày 03/02/2023, số 242/2023/GUQ-CNQ12 ngày 11/7/2023 và số 243/2023/GUQ-CNQ12 ngày 11/7/2023).

2. Bị đơn: Ông Phạm Hải L, sinh năm: 1979;
Địa chỉ: B Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;
không có mặt tại phiên tòa, do vi phạm nội quy phiên tòa nên bị buộc rời khỏi phòng xử án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản khai và các biên bản làm việc của Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S1) - và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/4/2015, ngày 14/04/2015 S1 đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Phạm Hải L số 472074XXXXXX0428, loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Visa chuẩn, hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng. Ngày 14/01/2020, S1 đồng ý nâng hạn mức cấp tín dụng cho ông L số tiền từ 20.000.000 đồng lên 200.000.000 đồng. Đến ngày 07/02/2020, S1 đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum với hạn mức thẻ 200.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: 4/2026; lãi suất, phí: tính theo biểu phí và điều khoản điều kiện S1 Visa Platinum từng thời kỳ, hình thức cấp thẻ: tín chấp.

Quá trình sử dụng thẻ nêu trên ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi. S1 đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện nhưng ông L cố tình không thanh toán. Nay S1 khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông L phải thanh toán số tiền gốc, lãi và phí tạm tính đến ngày 16/6/2023 nợ gốc là 194.342.909 đồng, nợ lãi là 130.775.476 đồng, tổng cộng là 325.118.385 (ba trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi lăm) đồng. Ngoài ra, ông L còn phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

** Đối với bị đơn - ông Phạm Hải L:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông L không đến Tòa án để giải quyết việc kiện với S1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Hải L khai nhận có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/4/2015 với S1 và được cấp thẻ tín dụng vào ngày 14/4/2015 với các nội dung như S1 trình bày. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông không vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chỉ sử dụng 189.000.000 đồng tiền gốc chứ không phải là 194.342.909 đồng. Do S1 đơn phương khóa thẻ và chấm dứt hợp đồng, nên ông không đồng ý thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của S1. Ông L yêu cầu S1 phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH MTV H1 với tổng số tiền 24.385.000.000 đồng theo nội dung yêu cầu phản tố được Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý tại Vụ án kinh doanh thương

mại sơ thẩm số 04/2021/TLST-KDTM ngày 07/01/2021 giữa nguyên đơn là S1 với bị đơn là Công ty TNHH MTV H2

** Tại Bản án sơ thẩm số 234/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - S1. Buộc ông Phạm Hải L phải có trách nhiệm trả cho S1 số tiền 330.939.886 đồng, (bao gồm tiền nợ gốc là 194.342.909 đồng, nợ lãi là 136.596.977 đồng), thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tiền lãi chậm thi hành án, án phí, việc yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/7/2023, bị đơn - ông Phạm Hải L - nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

- Xác minh và khởi tố vụ án hình sự để điều tra, đưa ra truy tố, xét xử những hành vi có dấu hiệu phạm tội đối với một số cá nhân tại S1.

- Buộc S1 bồi thường thiệt hại cho bị đơn, Công ty TNHH MTV H1 các thiệt hại theo đơn phản tố.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - S1 - đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hải L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử và về nội dung như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án dân sự, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định. Tuy nhiên, phần quyết định có một số thiếu sót, cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 234/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn - ông Phạm Hải L:

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, khi khai mạc phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Hải L đã liên tục vi phạm nội quy phiên tòa, mặc dù đã được Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Kiểm sát viên giải thích, nhắc nhở nhưng vẫn không chấm dứt. Căn cứ vào Điều 234, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 3 Quy chế tổ chức phiên tòa (Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao), Hội đồng xét xử buộc bị đơn - ông L - rời khỏi phòng xử án và xét xử vắng mặt ông L theo quy định.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn - ông Phạm Hải L:

[2.1] Bị đơn cho rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm không trả lời khiếu nại, làm mất quyền phản tố của bị đơn; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử, không cho xem và ghi những sửa đổi bổ sung vào biên bản phiên tòa:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2020 S1 kiện Công ty H1, ông Phạm Hải L và bà Phạm Hiến L1. Nhận thấy, yêu cầu khởi kiện về thẻ tín dụng ngân hàng đối với cá nhân ông Phạm Hải L và bà Phạm Hiến L1 là vụ án dân sự, căn cứ Điều 42 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Chánh án Tòa án nhân dân Quận 12 đã tách từ 01 vụ án kinh doanh thương mại thụ lý ban đầu thành 03 vụ án riêng biệt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy Đơn khiếu nại ghi ngày 13/3/2023, Đơn khiếu nại lần 2 ghi ngày 18/4/2023 và Đơn tố cáo ghi ngày 07/6/2023 thể hiện các nội dung khiếu nại, tố cáo của ông Phạm Hải L là của vụ án khác, không nằm trong phạm vi xét xử của vụ án này. Mặt khác, yêu cầu phản tố đã được xem xét, giải quyết trong Bản án sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12 và Bản án phúc thẩm số 839/2023/KDTM-PT ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn cho rằng không cho xem và ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, việc xét xử và ra phán quyết không chỉ căn cứ vào biên bản phiên tòa, mà được xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Bị đơn cho rằng S1 thu hồi nợ trước hạn không đúng:

Thẻ tín dụng của ông Phạm Hải L được S1 cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/4/2015 được ký kết giữa S1 - Chi nhánh Q - Phòng G. Tại khoản 23.3 Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1 có quy định: *“Khi chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S1 và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn cũng được xem là vi phạm của chủ thẻ theo hợp đồng này”*.

Ông L có ký kết với S1 - Chi nhánh Q - Phòng G về khoản vay 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 201924889106 ngày 03/01/2020, ông L đã vi phạm hợp đồng này. Trước khi khởi kiện, S1 có gọi điện thoại và gửi cho ông L Thông báo số 134/PGD Chợ Cầu ngày 16/11/2020 về việc thu hồi nợ trước hạn lần 1, Thông báo số 141/PGD Chợ Cầu ngày 02/12/2020 về việc chuyển nợ quá hạn; ông L đã ký nhận trực tiếp các thông báo này, nhưng vẫn không thanh toán. S1 đã khởi kiện ông L ra Tòa án về khoản vay 500.000.000 đồng. Do đó, việc S1 kiện ông L về khoản vay thẻ tín dụng là có căn cứ, đúng theo nội dung các bên đã thỏa thuận.

[2.3] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, về nội dung tính lãi tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, cách tuyên chưa rõ ràng nên cần sửa lại theo quy định. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần tính lãi tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, nội dung kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần.

[2.4] Còn các nội dung kháng cáo, yêu cầu khác của bị đơn - ông Phạm Hải L - không nằm trong phạm vi xét xử của vụ án này và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ngoài ra, trong Đơn khởi kiện ngày 11/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án ban đầu (thời điểm S1 khởi kiện Công ty H1, ông Phạm Hải L và bà Phạm Hiền L1), S1 có yêu cầu trong trường hợp bị đơn ông Phạm Hải L không trả được nợ, thì phát mãi tài sản bảo đảm tọa lạc tại thửa đất số 1530-51 tờ bản đồ số 2A (sơ đồ nền), địa chỉ: B Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Nhưng sau khi được tách thành 03 vụ án riêng biệt, quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện giữa S1 với ông Phạm Hải L, thì S1 chỉ yêu cầu buộc ông L phải trả nợ thẻ tín dụng, không còn yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn; sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, nguyên đơn cũng không kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét về nội dung này.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, giữ nguyên đường lối giải quyết như bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: do sửa bản án sơ thẩm, nên bị đơn - ông Phạm Hải L - không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 351, Điều 463, Điều 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn - ông Phạm Hải L;

Sửa Bản án sơ thẩm số 234/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần S1. Buộc ông Phạm Hải L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/4/2015 tạm tính đến ngày 11/7/2023 là 330.939.886 đồng; trong đó, nợ gốc là 194.342.909 đồng, nợ lãi là 136.596.977 đồng. Việc thanh toán được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự thực hiện hoặc qua Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 12/7/2023 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ, ông Phạm Hải L còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/4/2015. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất thanh toán theo từng thời kỳ, thì lãi suất mà ông Phạm Hải L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Hải L phải chịu nộp là 16.546.994 (mười sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi bốn) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Hải L không phải chịu nộp và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030431 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TANDCC tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Q.12 TPHCM;
- Chi cục THADS Q.12 TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu (KD/25).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại